TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24/5/2019
"V/v xin ly hôn**"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thạnh

Ông Dương Đắc Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huynh Thi N; trú tại: 12550A, TX 77072, USA. Địa chỉ liên lạc: 6/85 đường V, phường D, thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng N - Luật sư của Công ty luật T và cộng sự thuộc đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Đức Q. Trú tại: 73/02 Đường V, phường D, thành phố H; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Huynh Thi N đề ngày 25/2/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Huynh Thi N trình bày: Chị Huynh Thi N và anh Phan Đức Q bắt đầu quen biết và tìm hiểu nhau vào năm 2015 thông qua người quen giới thiệu. Năm 2016 chị N về Việt Nam và quyết định đi đến hôn nhân với anh Q, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố H, được Ủy ban nhân dân

thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/01/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại nhà bố mẹ của anh Q khoảng 05 tháng thì chị N trở về Hoa Kỳ. Sau khi về nước, chị N vẫn thường xuyên giữ liên lạc với anh Q. Năm 2017, chị N về lại Việt Nam và tổ chức lễ cưới với anh Q có sự tham gia của gia đình anh Q. Chị N có làm hồ sơ bảo lãnh cho anh Q sang Hoa Kỳ để đoàn tụ gia đình và anh Q đã được Đại sứ quán Hoa Kỳ tại thành phố Hồ Chí Minh gọi đi phỏng vấn nhưng không có kết quả. Vì lý do bảo lãnh không thành nên vợ chồng ít khi liên lạc, mỗi lần liên lạc thì thường xuyên xảy ra tranh cãi, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đến nay, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q đã hết, khả năng vợ chồng đoàn tụ là không thể thực hiện được nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Đức Q trình bày: Đối với quá trình quen biết, tìm hiểu và kết hôn giữa anh và chị N, anh đồng ý như phần trình bày của chị N. Hiện tại, vợ chồng sống xa nhau, không có điều kiện gần gủi, quan tâm, chăm sóc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy, anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Huynh Thị N trình bày ý kiến của chị N là giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị N.

Đối với Bị đơn anh Phan Đức Q cũng đồng ý ly hôn với chị N; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung giải quyết vụ án, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Huynh Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng chị N, anh Q kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố H, được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy

chứng nhận kết hôn vào ngày 21/01/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống xa nhau nên không có điều kiện quan tâm, chăm sóc từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị N có làm hồ sơ bảo lãnh để anh Q sang Hoa Kỳ đoàn tụ gia đình và anh Q đã được Đại sứ quán Hoa Kỳ tại thành phố Hồ Chí Minh gọi đi phỏng vấn nhưng hồ sơ bị từ chối nên khả năng vợ chồng đoàn tụ để hàn gắn tình cảm là không thể thực hiện được. Xét hiện nay chị N và anh Q mỗi người sống một nơi, tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Chị N và anh Q thừa nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Q thừa nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huynh Thi N được ly hôn với anh Phan Đức Q.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Huynh Thi N và anh Phan Đức Q đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huynh Thi N (Huynh Thị N) phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 005491 ngày 27/2/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Báo cho anh Phan Đức Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Huynh Thi N có quyền kháng cáo trong thời gian 01 tháng kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kẻ từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Hưng Bính